TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày 24/7/2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quan Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Triều

2. Ông Đỗ Hồng Quân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2018/TLST- DS ngày 09/5/2018, về việc tranh chấp về hợp dân sự hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-DS ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trịnh Thị Ngọc C, sinh năm 1959; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 139, ấp A, xã T, V, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Phạm Hoàng T, sinh năm 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 332, ấp A, xã T, V, Đồng Tháp.

2. Hứa Thị Ngọc A, sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 36 Khóm T, phường A, thành phố D, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018 (Được bổ sung ngày 03/4/2018) và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc C trình bày:

Vào năm 2015, vợ chồng anh Phạm Hoàng T và chị Hứa Thị Ngọc A có tham gia 02 dây hụi do bà C làm chủ và còn thiếu bà C tổng cộng số tiền là 58.000.000 đồng đến nay không trả, cụ thể 02 dây hụi như sau:

+ Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/11/2015, gồm 16 phần, mỗi tháng khui một lần, vợ chồng anh T, chị A tham gia một phần (Trong giấy hụi ghi tên là: T), anh T, chị A hốt hụi vào lần khui thứ 01 với số tiền 60.000.000 đồng, bà C

giao tiền cho chị A trực tiếp nhận, sau khi hốt hụi chị A đóng hụi chết được 05 lần rồi ngưng, do bà C là chủ hụi nên bà C đã đóng 10 lần hụi chết thay cho vợ chồng anh T, chị A đến khi hụi mãn vào tháng 3/2017 với số tiền là 50.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/12/2015 âm lịch, gồm 18 phần, mỗi tháng khui một lần, anh T, chị A tham gia một phần, anh T, chị A, hốt hụi vào lần thứ khui thứ 03 với số tiền 28.450.000 đồng, bà C giao tiền hụi cho chị A trực tiếp nhận, sau khi hốt hụi chị A, anh T đóng hụi chết được cho bà C vài lần rồi ngưng, do anh T và chị A không đóng hụi cho bà C, nên bà C đã đóng hụi chết thay cho vợ chồng anh T, chị A đến khi hụi mãn vào tháng 6/2017 với số tiền là 28.000.000 đồng.

Vậy tổng cộng bà C đóng hụi thay cho anh T, chị A 02 dây hụi nói trên là 78.000.000 đồng.

Do anh T và chị A không trả tiền hụi cho bà C, nên bà C khởi kiện anh T và chị A tại UBND xã T, tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2016 của UBND xã T, chị A và anh T thừa nhận nợ hụi bà C và đồng ý trả cho bà C mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trả xong số nợ trên cho bà C. Sau đó chị A có trực tiếp trả cho bà C được 20.000.000 đồng. Như vậy chị A và anh T còn nợ bà C tổng cộng của hai dây hụi nói trên là 58.000.000 đồng.

Nay bà Trịnh Thị Ngọc C yêu cầu chị Hứa Thị Ngọc A và anh Phạm Hoàng T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền nợ hụi là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

- Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Hứa Thị Ngọc A trình bày:

Vào năm 2015, chị A có tham gia 02 dây hụi do bà Trịnh Thị Ngọc C làm chủ còn nợ bà C số tiền 58.000.000 đồng đến nay chưa trả cụ thể hai dây hụi như sau:

+ Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/11/2015, gồm 16 phần, mỗi tháng khui một lần, chị A tham gia một phần, chị A hốt vào lần khui thứ 01 với số tiền 60.000.000 đồng, bà C đã giao đủ số tiền hụi 60.000.000 đồng cho chị A, sau khi hốt hụi chị A đóng hụi chết cho bà C được 05 lần rồi ngưng, hiện tại hụi đã mãn. Do chị A không đóng hụi chết cho bà C, nên Bà C đã đóng thay cho chị A 10 lần hụi chết đến khi hụi mãn với số tiền là 50.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/12/2015 âm lịch, gồm 18 phần, mỗi tháng khui một lần, chị A tham gia một phần, chị A hốt hụi vào lần khui thứ 03 với số tiền 28.450.000 đồng, bà C đã giao đủ 28.450.000 đồng cho chị A, sau khi hốt hụi chị A đóng hụi chết được vài lần rồi ngưng, hiện hụi đã mãn. Do chị A không đóng hụi chết cho bà C, nên bà C đã đóng hụi thay cho chị A đến hụi mãn với số tiền là 28.000.000 đồng.

Do chị A không trả tiền hụi cho bà C, nên bà C khởi kiện chị A và anh T tại UBND xã T, tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2016 của UBND xã T, chị A và anh T có thừa nhận nợ hụi như bà C trình bày và đồng ý trả cho bà C mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trả xong nợ cho bà C.

Sau khi hòa giải ở UBND xã T xong chị A có trả cho bà C nhiều lần với số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng. Như vậy chị A còn nợ bà C số tiền của hai dây hụi nói trên tổng cộng là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) đến nay chưa trả.

Đối với anh Phạm Hoàng T đã ly hôn với chị A vào năm 2017 được Tòa án nhân dân quyện V cho ly hôn bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28/02/2017, tại quyết định thuận tình ly hôn không giải quyết về tài sản và nợ chung. Hai dây hụi nói trên là do chị A tham gia chơi cá nhân của chị A, số tiền hụi hốt được của 02 dây hụi nói trên chị A sử dụng vào việc mua bán cá nhân của chị A, không liên quan đến anh T, chị A đồng ý trả số tiền 58.000.000 đồng nói trên cho bà C không yêu cầu anh T liên đới nghĩa vụ trả nợ cho bà C.

- Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Hoàng T trình bày:

Anh T và chị A trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2017, được Tòa án nhân dân huyện V công nhận thuận tình ly hồng bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28/02/2017, tại quyết định thuận tình ly hôn không giải quyết về tài sản và nợ chung.

Đối với việc chơi hụi giữa chị Hứa Thị Ngọc A và bà Trịnh Thị Ngọc C vào năm 2015, anh T hoàn toàn không hay biết. Anh T không có tham gia chơi hụi với bà C và cũng không sử dụng tiền của chị A hốt hụi của bà C. Tuy nhiên vào năm 2016 bà C có khởi kiện anh T và chị A tại UBND xã T, yêu cầu anh T và chị A trả cho bà C tiền hụi như bà C trình bày. Do vào năm 2016, anh T và chị A còn là vợ chồng, hôn nhân giữa chị A với anh T còn tồn tại, nên tại phiên hòa giải ngày 04/7/2016 anh T thừa nhận và đồng ý trả cho bà C số nợ nói trên với cách trả là mỗi tháng trả cho bà C 3.000.000 đồng, nhưng bà C không đồng ý, nên anh T không có trả tiền cho bà C, chị A có trả cho bà C được bao nhiêu không anh T không biết.

Nay anh T và chị A đã ly hôn không còn quan hệ gì với nhau. Nợ hụi của bà C nói trên là của cá nhân chị A, anh T không đồng ý liên đới cùng chị A trả cho bà C số tiền là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng), nhưng anh T đồng ý sẽ hỗ trợ tiền cho chị A để trả nợ cho bà C tùy theo khả năng của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị Ngọc C khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự hụi với anh Phạm Hoàng T và chị Hứa Thị Ngọc A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 332, ấp A, xã T, huyện V, Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Trịnh Thị Ngọc C yêu cầu anh Phạm Hoàng T và chị Hứa Thị Ngọc A liên đới trả cho bà C 58.000.000 đồng, yêu cầu của bà C là tranh chấp hợp đồng dân sự hụi được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 30 của Nghị Định 144 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bà C và chị A đều thừa nhận là vào năm 2015 chị A có tham gia hai dây hụi do bà C làm chủ gồm: Dây hụi 5.000.000 đồng ngày 15/11/2015 và dây hụi 2.000.000 đồng, ngày 20/12/2015 âm lịch, bà C và chị A đều thừa nhận 02 dây hụi nói trên chị A còn nợ bà C với tổng số tiền là 58.000.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà C cho rằng 02 dây hụi nói trên là do vợ chồng anh T và chị A cùng tham gia, danh sách hụi ghi tên T. Nay bà C yêu cầu anh T và chị A có trách nhiệm liên đới trả cho bà C tiền của hai dây hụi nói trên là 58.000.000 đồng.

Chị A cho rằng 02 dây hụi nói trên là chị A tham gia chơi cá nhân chị A, anh T không hay biết, tiền hốt hụi được là chị A sử dụng vào việc mua bán của chị A. Nay chị A đồng ý trả cho bà C tiền của 02 dây hụi nói trên là 58.000.000 đồng, không yêu cầu anh T có trách nhiệm liên đới cùng chị A trả cho bà C.

Anh T cho rằng việc tham gia chơi hụi đối với 02 dây hụi nói trên là do chị A trực tiếp tham gia với bà C, anh T không hay biết, anh T cũng không sử dụng tiền hốt hụi nói trên. Trước đây tại UBND xã T anh T có đồng ý cùng chị A trả số nợ trên cho bà C là vì vào thời điểm nói trên anh T và chị A còn là vợ chồng, vợ chồng còn hòa thuận với nhau nên mới đồng ý trả tiền trên cho bà C. Nay anh T và chị A đã ly hôn, anh T không đồng cùng chị A trả cho bà C 58.000.000 đồng tiền hụi.

[3] Việc tham gia chơi hụi giữa bà C với chị A là có thật, chị A cũng thừa nhận các khoản nợ hụi như bà C trình bày, chị A và anh T không thực hiện góp đủ tiền hụi chết cho bà C sau khi hốt hụi là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên được quy định tại Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xét thấy anh Phạm Hoàng T và chị Hứa Thị Ngọc A cưới nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2007 tại UBND xã T, huyện V, Đồng Tháp, sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẩn và xa nhau. Đến ngày 30/12/2016 thì chị A làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện V, được Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28/02/2017. Tuy nhiên tại quyết định ly hôn không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/11/2015 chị A đã hốt vào lần khui đầu tiên ngày 15/11/2015, dây hụi 2.000.000 đồng, ngày 20/12/2015 âm lịch, chị A hốt vào lần khui thứ 03 vào khoảng tháng 02/2016 âm lịch. Xét thấy cả 02 dây hụi trên chị A đã hốt khi hôn nhân giữa anh T và chị A còn tồn tại, thời gian này anh T và chị A còn hạnh phúc chưa phát sinh mâu thuẩn, (Anh T và chị A phát sinh mâu thuẩn và xa nhau từ khoảng tháng 8/2016). Đồng thời tại biên bản hòa

giải ngày 04/7/2016 của UBND xã T anh T và chị A thừa nhận còn nợ bà C tiền hụi của 02 dây hụi nói trên và đồng ý trả cho bà C. Do đó số tiền 58.000.000 đồng của 02 dây hụi nói trên là nợ chung của của chị A và anh T trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị A mặc dù đã ly hôn, nhưng chưa giải quyết phần nợ chung này trong quyết định ly hôn.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu anh T và chị A có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền 58.000.000 đồng, chị A cho rằng số tiền 58.000.000 đồng trên là do cá nhân chị A nợ của bà C không liên quan đến anh T, chị A đồng ý trả cho bà C 58.000.000 đồng không yêu cầu anh T liên đới trả, phía anh T cũng cho rằng số tiền 58.000.000 đồng là do cá nhân chị A nợ bà C, anh T không đồng ý cùng chị A trả số tiền 58.000.000 đồng cho bà C. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu nói trên của các đương sự là không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Mà phải buộc anh T trả cho bà C số tiền 29.000.000 đồng, chị A trả cho bà C số tiền 29.000.000 đồng mới là thỏa đáng và phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trịnh Thị Ngọc C được chấp nhận nên buộc anh Phạm Hoàng T và chị Hứa Thị Ngọc A phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trình Thị Ngọc Châu.

2. Buộc anh Phạm Hoàng T hoàn trả cho bà Trịnh Thị Ngọc C số tiền hụi anh T còn nợ bà C là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

3. Buộc chị Hứa Thị Ngọc A hoàn trả cho bà Trịnh Thị Ngọc C số tiền hụi chị A còn nợ bà C là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thi hành án, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Phạm Hoàng T nộp 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Hứa Thị Ngọc A nộp 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trịnh Thị Ngọc C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được nhận lại 1.575.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi năm ngàn đồng) theo biên lai số 0001531 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

4. Án xử công khai có mặt các bên đương sự báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (24/7/2018).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Quan Nam